

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của
Trường Tiểu học Him Lam**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 57a/QĐ-PGDĐT ngày 23/4/2025 Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán, hội đồng sư phạm nhà trường;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của Trường Tiểu học Him Lam *(theo các biểu đính kèm)*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận, ban ngành đoàn thể, tổ chuyên môn và bộ phận hành chính trong nhà trường có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Lưu :VT, KT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Thị Bích

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
(Kèm theo QĐ số 1/QĐ-TTHL, ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng trường Tiểu học Him Lam)



Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số tiền
A	Tổng số thu ngân sách, phí, lệ phí	165.000.000
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	165.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	165.000.000
1	Chi sự nghiệp giáo dục	165.000.000
1.1	Kinh phí chi thường xuyên	-80.000.000
1.2	Kinh phí không thường xuyên	245.000.000

**BIÊN BẢN
NIÊM YẾT CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 57a/QĐ-PGDĐT ngày 23/4/2025 Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 của đơn vị;

Hôm nay, vào hồi 14 giờ ngày 24 tháng 4 năm 2025 tại Phòng Hội đồng trường Tiểu học Him Lam.

Thành phần gồm có:

- | | |
|------------------------------|--|
| 1. Bà: Nguyễn Thị Bích | Chức vụ: Hiệu trưởng
Người chịu trách nhiệm công khai |
| 2. Bà : Nguyễn Thị Lanh | Chức vụ: Kế toán |
| 3. Bà: Cao Thị Minh | Trưởng ban TTND |
| 4. Bà: Nguyễn Thị Hồng Nhung | Thư ký nhà trường |

Đã tiến hành niêm yết công khai số liệu “ Dự toán thu, chi ngân sách năm 2025”

Thời gian niêm yết: Từ ngày đến ngày 24/4/2025 đến hết ngày 23/5/2025.

Địa điểm niêm yết: Phòng Hội đồng, bảng tin trường Tiểu học Him Lam và trên cổng thông tin điện tử của nhà trường.

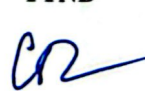
Biên bản lập xong vào hồi 14 giờ 00 ngày 24 tháng 4 năm 2025, đã được thông qua các thành phần cùng nghe và nhất trí.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Bích

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Lanh

**TRƯỞNG BAN
TTND**

Cao Thị Minh

THƯ KÝ

Nguyễn Thị Hồng
Nhung

Đơn vị: Trường Tiểu học Him Lam
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Him Lam ngày 30 tháng 6 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		8.408		
I	Nguồn ngân sách trong nước		8.408		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		8.408		

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	072 - Giáo dục tiểu học		8.408		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		6.691		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		1.716		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

Thủ trưởng đơn vị
(Chữ ký, dấu)


Nguyễn Thị Bích